TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 133/2025/DS-ST Ngày 20-8-2025 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Hải.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa, là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lâm Chí Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Chúc P, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lương Mộng C, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Chúc P trình bày:

Ngày 03 tháng 9 năm 2023 bà có cho bà Lương Mộng C vay số tiền là 18.160.000 đồng, việc vay tiền này có lập thành biên nhận viết tay có chữ ký của bà Lương Mộng C, bà C đã trả cho bà được 7.760.000 đồng thì bà C không trả nữa. Bà đến đòi bà C nhiều lần nhưng bà C không thực hiện nghĩa vụ, hiện bà C còn nợ bà số tiền gốc là 10.400.000 đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C phải trả cho bà số tiền vốn là 10.400.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19 tháng 8 năm 2025, bị đơn bà Lương Mộng C trình bày: Năm 2023, bà có vay của bà P số tiền là 10.000.000 đồng, bà xác định chữ ký tên trong giấy nhận số tiền nợ đúng là chữ ký của bà, từ thời điểm vay bà đã trả lãi cho bà P được nhiều lần và hiện chỉ còn nợ bà P tiền gốc là 2.420.000 đồng, thống nhất vẫn còn nợ tiền lãi từ thời điểm vay đến nay. Đối với giấy nhận nợ ngày 03 tháng 9 năm 2023 bà thừa nhận có ký biên nhận nhưng không thừa nhận nội dung số tiền nợ mà biên nhận thể hiện. Bà đồng ý trả cho bà P số tiền gốc còn nợ là 2.420.000 đồng và tiền lãi từ thời điểm vay đến nay theo mức lãi suất nhà nước quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện theo triệu tập của Toà án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lương Mộng C trả cho bà Ngô Chúc P số tiền 10.400.000 đồng. Bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ngô Chúc P khởi kiện yêu cầu bà Lương Mộng C trả tiền từ hoạt động vay là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Đ, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Lương Mộng C vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P cho rằng bà C có nợ của mình số tiền vay từ hoạt đồng giao dịch vay tài sản. Lời khai của bà C thừa nhận có việc bà vay tiền của bà C. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo Giấy nhận số tiền hụi" ngày 03 tháng 9 năm 2023 (giấy biên nhận đề năm 2003 nhưng các bên đều thống nhất thông tin giấy là năm 2023) mà bà P xuất trình thể hiện số tiền nợ là 18.160.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Bà C thừa nhận chữ ký trên giấy là của bà nhưng không thừa nhận số tiền ghi trong biên nhận nợ này, chỉ thừa nhận số nợ gốc là 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà C cho rằng mình chỉ nợ 10.000.000 đồng nhưng chứng cứ nào để chứng minh mình chỉ nợ

10.000.000 đồng thì bà không chứng minh được. Trong khi đó giấy nhận nợ là do hai bên tự xác lập, bà C tự nguyện ký vào giấy nhận nợ đã thể hiện ý chí thống nhất với số nợ trên giấy thể hiện là 18.160.000 đồng. Do đó, bà P1 cho rằng bà C có nợ số tiền 18.160.000 đồng là có căn cứ. Theo như bà P, bà C đã trả được một phần nợ và hiện nay chỉ còn nợ lại 10.400.000 đồng. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự buộc bà C phải trả số tiền này cho bà P. Tại đơn khởi kiện, bà P yêu cầu bà C trả số tiền lãi 2.244.000 đồng, tuy nhiên tại phiên toà bà P xác định không yêu cầu trả lãi cho khoản vay này, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử không xem xét về lãi phát sinh.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C phải chịu là 10.400.000 đồng x 5% = 520.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lương Mộng C phải trả cho bà Ngô Chúc P số tiền là 10.400.000 (mười triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Lương Mộng C phải chịu 520.000 (năm trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Ngô Chúc P 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005434 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (Nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp